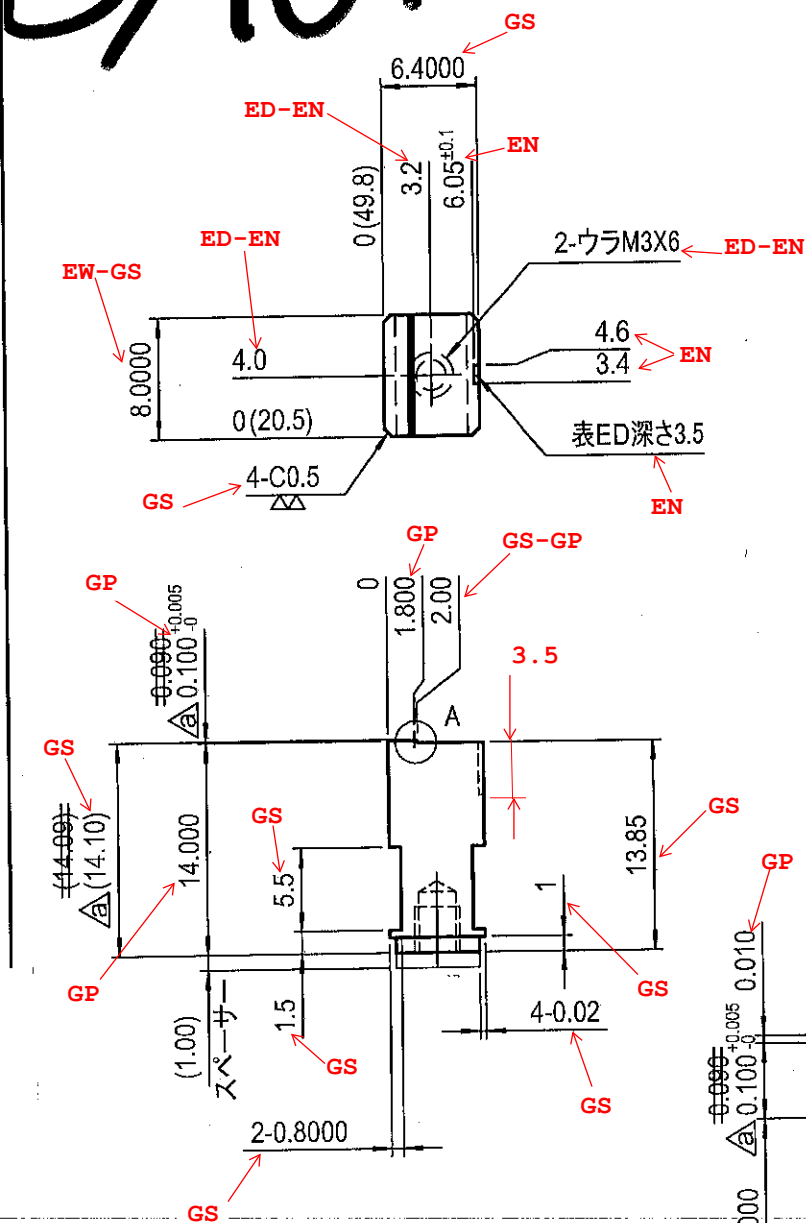
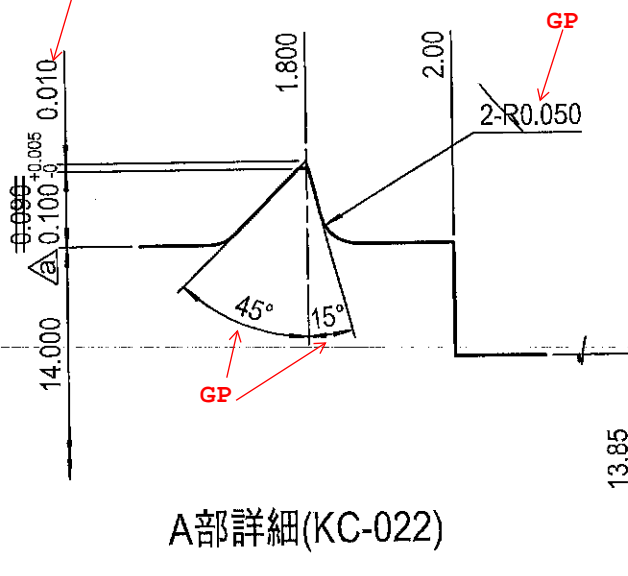


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.
init	2011/10/03	新規設計		Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung
a	2016/12/21	寸法變更(S852710→R073578)	VDM-XLB-1612-008	Wu_Chin_Wuu	Chang_Fu_Rung

CUTTING TOLERANCE			
0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
		0.0 -0	+0.1 -0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
FINISH MARKS			
G ▽▽▽ (▽▽)			



EW ra phôi  
T7\*8.5\*14.7



A部詳細(KC-022)

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
ang_Jin_Yinn	Chang_Fu_Rung	部品圖		ノッチカット型 ノッチダイ
UENCH&TEMPER	SURFACE			
IRC				
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG.No.	
WC(D30/HIP)	2011/10/03	2:1(100/1)		R073578

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

T7 710 x 16

414 205 0344

SNO: **R073578**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>WCD30</b> <b>T7*11*17</b>	EW1:25 GS:120 GP:60 ED:10 EN:75 KT